|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH GIA LAI**SỞ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-STC | *Gia Lai, ngày tháng năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị ban hành Quyết định quy định sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại phụ lục kèm theo Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định quy định sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại phụ lục kèm theo Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

**I.**  **SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

Tại phụ lục 01 kèm theo Thông tư số [02/2017/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-02-2017-tt-btc-huong-dan-quan-ly-kinh-phi-su-nghiep-moi-truong-339307.aspx) ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, quy định:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Khung, mức chi tối đa (1.000 đ)** | **Ghi chú** |
| 1 | Lập nhiệm vụ, dự án: |  |  |  |
| 1.1 | Lập nhiệm vụ | nhiệm vụ | 1.000- 2.000 |  |
| 1.2 | Lập dự án | dự án | 3.000 - 5.000 | *Tùy theo mức độ phức tạp của dự án* |
| 1.3 | Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư |  | Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư |  |
| 2 | …. |  |  |  |

*...Mức chi quy định trên đây là mức chi tối đa, tùy điều kiện thực tế và khả năng của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức cụ thể tại địa phương và chịu trách nhiệm về quyết định của mình”.*

Trên cơ sở quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Tuy nhiên, tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, quy định:

*“**5. Sửa đổi, bổ sung chi phí lập nhiệm vụ, dự án tại mục 1 Phụ lục số 1 và mục 1 Phụ lục số 2 Thông tư số*[*02/2017/TT-BTC*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-02-2017-tt-btc-huong-dan-quan-ly-kinh-phi-su-nghiep-moi-truong-339307.aspx)*như sau:*

*“1****. Chi phí lập nhiệm vụ, dự án****: gồm chi phí lập đề cương nhiệm vụ, dự án; chi phí thu thập, khảo sát, lấy và gia công phân tích một số mẫu phục vụ lập đề cương (theo quy trình quy phạm kỹ thuật nếu có); phân tích tư liệu, kết quả khảo sát; lựa chọn giải pháp kỹ thuật, thiết kế phương án thi công, tính toán khối lượng công việc và lập dự toán kinh phí; họp hội đồng xét duyệt đề cương, xin ý kiến thẩm định, hoàn thiện cho đến khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

*a) Đối với nhiệm vụ, dự án có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Dự toán chi phí được tính trên cơ sở khối lượng (x) đơn giá dự toán.*

*b) Đối với nhiệm vụ, dự án chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán: Dự toán chi phí tính theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp nhiệm vụ, dự án; mức cụ thể như sau:*

|  |  |
| --- | --- |
| *Hạng mục công việc* | *Chi phí trực tiếp (tỷ đồng)* |
| *≤ 5* | *10* | *15* | *20* | *25* | *30* | *35* | *40* | *45* | *50* |
| *Nhiệm vụ, dự án sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (%)* | *1,60* | *1,00* | *0,80* | *0,70* | *0,64* | *0,58* | *0,53* | *0,48* | *0,44* | *0,40* |

*Đối với nhiệm vụ, dự án có chi phí thực hiện lớn hơn 50 tỷ đồng, thì cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được bổ sung 0,003 của phần tăng thêm.*

*Đối với nhiệm vụ, dự án có chi phí thực hiện nằm trong các khoảng của hai giá trị quy định trong bảng trên được tính theo phương pháp nội suy như sau:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ki = Kb - | (Kb - Ka) |  x (Gi - Gb). |
| Ga - Gb |

*Trong đó: Ki: Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cần tính (tỷ lệ %); Ka: Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cận trên (tỷ lệ %); Kb: Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cận dưới (tỷ lệ %); Gi: Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cần tính (tỷ đồng); Ga: Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cận trên (tỷ đồng); Gb: Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cận dưới (tỷ đồng).*

*Trong trường hợp nhiệm vụ, dự án được lập và phê duyệt thành hai bước (bước xây dựng và trình phê duyệt tổng thể dự án; bước lập và trình phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán), dự toán kinh phí lập nhiệm vụ, dự án phân bổ cho từng bước công việc do các Bộ, địa phương quyết định trong tổng kinh phí lập nhiệm vụ, dự án theo tỷ lệ nêu trên.*

*Chi phí lập nhiệm vụ, dự án theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp tại bảng số liệu nêu trên là tính cho nhiệm vụ, dự án theo quy định có tất cả các chi phí lập nhiệm vụ, dự án quy định nêu trên; do vậy khi lập dự toán chỉ tính các chi phí mà nhiệm vụ, dự án phải thực hiện, không tính tất cả các chi phí nêu trên nếu không phải thực hiện. Căn cứ vào nội dung công việc, khối lượng thực hiện, chế độ tài chính hiện hành để dự toán kinh phí lập nhiệm vụ, dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

*2. Đối với các nhiệm vụ thường xuyên hàng năm (Hoạt động quan trắc; Kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật; Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định; nhiệm vụ thường xuyên khác nếu có) và các nhiệm vụ không thường xuyên (bao gồm sửa chữa lớn, mua sắm trang thiết bị và nhiệm vụ không thường xuyên khác nếu có): thực hiện theo quy định hiện hành, không tính dự toán lập nhiệm vụ.*

*Trường hợp nhiệm vụ cần thiết (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải có chi phí lập nhiệm vụ, được tính theo khối lượng công việc thực hiện cụ thể và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành”.*

Căn cứ các quy định nêu trên, việc quy định sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại phụ lục kèm theo Điều 2 Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰN DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH.**

**1. Mục đích**

Quyết định này quy định sửa đổi, bổ sung sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại phụ lục kèm theo Điều 2 Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

 **2. Quan điểm xây dựng dự thảo quyết định.**

Bảo đảm tuân thủ, phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH.**

Thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạp pháp luật; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 20/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định một số nội dung thực hiện trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Sở Tài chính được phân công chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan hoàn chỉnh hồ sơ, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Dự thảo Quyết định đã được các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tham gia góp ý và được Sở Tư pháp thẩm định.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUYẾT ĐỊNH.**

**1. Bố cục:** Dự thảo Quyết định gồm 02 Điều.

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo quyết định.**

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại phụ lục kèm theo Điều 2 Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

1. Sửa đổi, bổ sung tại số thứ tự 01 Phụ lục kèm theo Điều 2 Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND như sau:

“Mức chi phí lập nhiệm vụ, dự án được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.”

2. Bổ sung số thứ tự 11 vào sau số thứ tự 10 Phụ lục kèm theo Điều 2 Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND như sau:

“Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.”

 Điều 2. Điều khoản thi hành

# V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Nguồn kinh phí thực hiện trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản quy định pháp luật có liên quan. Việc thi hành Quyết định quy định sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại phụ lục kèm theo Điều 2 Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai được đảm bảo nguồn lực để thực hiện, điều kiện bảo đảm thi hành. Sở Tài chính sẽ phối hợp cùng các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Quyết định quy định sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại phụ lục kèm theo Điều 2 Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Sở Tư Pháp;- Giám đốc, các PGĐ Sở (biết);- Lưu: VT, Phòng HCSN.  |  **GIÁM ĐỐC** |